

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** C1.A104
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 7h30 **Ngày thi:** 12/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0055	SV5909060	Lê Trần Lâm	Huy	15/10/1999		
2	TA0056	SV5909061	Lương Anh	Huy	20/06/1999		
3	TA0057	SV5909062	Nguyễn Công Hoàng	Huy	26/06/1999		
4	TA0058	SV5909063	Nguyễn Quang	Huy	29/09/1999		
5	TA0059	SV5909064	Nguyễn Việt	Huy	17/08/1999		
6	TA0060	SV5909065	Phùng Công	Huy	22/08/1999		
7	TA0061	SV5909066	Khuất Thị	Huyền	11/05/1999		
8	TA0062	SV5909067	Lê Diệu	Huyền	06/10/1999		
9	TA0063	SV5909068	Ngô Thị	Huyền	21/08/1999		
10	TA0064	SV5909069	Phạm Ngọc	Huyền	16/02/1999		
11	TA0065	SV5909070	Nguyễn Trọng	Khánh	25/05/1999		
12	TA0066	SV5909071	Nguyễn Trọng	Khánh	03/10/1999		
13	TA0067	SV5909072	Nguyễn Văn	Khoa	25/02/1999		
14	TA0068	SV5909073	Lưu Đình	Kiên	28/04/1999		
15	TA0069	SV5909074	Nguyễn Trung	Kiên	14/07/1997		
16	TA0070	SV5909075	Nguyễn Trung	Kiên	19/12/1999		
17	TA0071	SV5909076	Nguyễn Trung	Kiên	17/06/1999		
18	TA0072	SV5909077	Nguyễn Hồng	Kỳ	26/01/1999		
19	TA0073	SV5909078	Nguyễn Văn	Lâm	13/01/1999		
20	TA0074	SV5909079	Trần Tùng	Lâm	10/10/1999		
21	TA0075	SV5909080	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	31/03/1999		
22	TA0076	SV5909081	Cao Thị Khánh	Linh	24/09/1999		
23	TA0077	SV5909082	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/06/1999		
24	TA0078	SV5909083	Nguyễn Thị Hương	Linh	28/10/1999		
25	TA0079	SV5909084	Trần Thị Mỹ	Linh	29/11/1999		
26	TA0080	SV5909085	An Phương	Loan	02/10/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0081	SV5909086	Nguyễn Xuân	Lộc	30/03/1998		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)